TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Toàn.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 594/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1998 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Tấn C thông qua mai mối nên quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 2-3 năm thì đám cưới vào năm 2017, sau đó mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 20/10/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bà ngoại anh C ở ấp M, xã M, sau đó làm nhà ở riêng tại xã M, huyện C. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định. Đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi nhậu về chửi bới, đánh tôi nhiều lần. Những người dì bà con của anh C cũng đánh tôi khi xảy ra mâu thuẫn. Anh C thường xuyên đe dọa giết tôi. Tôi nhiều lần khuyên anh C thay đổi để lo cho con chung nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên có hòa giải, anh C cũng hứa thay đổi nhưng sau đó vẫn như vậy mà không thay đổi gì. Từ 02/9/2021 đến nay chúng tôi ly thân nhau, tôi về sinh sống cùng với mẹ ruột tôi ở Đồng Tháp. Chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau nên tình cảm không còn. Nay tôi yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2019. Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng

nên ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi làm nghề tóc và làm nail với mức thu nhập bình quân mỗi tháng là 12 triệu đồng, tôi đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn C trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, con chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2019, ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung, tài sản chung: Chúng tôi không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin vắng mặt, đồng thời có ý kiến giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Anh C đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu được ly hôn với anh C và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh C có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 20/10/2020 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên đi nhậu về chửi bới, đánh chị T nhiều lần. Anh C thường xuyên đe dọa chị. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả và từ ngày 02/9/2021 đến nay chị T và anh C ly thân nhau.

Anh C trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, chị T bỏ về sinh sống cùng với cha mẹ ruột chị T, anh có đến hòa giải nhưng chỉ về sinh sống với anh một thời gian ngắn rồi vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và ly thân khoảng năm 2022 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa T và anh C đã phát sinh trong thời gian dài, anh chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào hòa giải để đoàn tụ gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T giữ

nguyên yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T. Điều đó chứng tỏ anh C và chị T đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2019, chị T trình bày từ lúc chị T và anh C ly thân đến nay cháu V do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị T có việc làm với mức thu nhập ổn định nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V.

Anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu V đến nay được 5 tuổi, từ lúc chị T và anh C ly thân đến nay cháu V do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, mặc khác cháu V là con gái cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp từ mẹ nên để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu V cần tiếp tục giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002061 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền

Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang